TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2023/HS-ST**
Ngày 29/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Hưng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự
Ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2023/TLST-HS ngày 09/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 24/2023/QĐXXST-HS, ngày 14/6/2023 đối với:

1. Bị cáo: **Trần Văn V**, sinh năm 1958 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 4/10; dân tộc: kinh; giới T2: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H (đã chết), con bà Phạm Thị M (đã chết); có vợ Trần Thị Tươi (đã chết), vợ 2 Hoàng Thị N. Có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất 2003; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2023 đến ngày 07/4/2023 chuyển tạm giam, tại nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện K cho đến nay "có mặt".

2. Bị hại: anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1988; nơi cư trú: xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình "vắng mặt".

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Trần Thị T, sinh năm 1981; nơi cư trú: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình "vắng mặt".

- Trần Văn H1, sinh năm 1972; nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình "vắng mặt".

4. Người làm chứng: anh Bùi Văn T1 "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn V là đối tượng nghiện ma túy, do cần tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 04/4/2023, V đi bộ tại khu vực đường dong thuộc xóm M, xã K, huyện K, phát hiện chiếc xe môtô biển kiểm soát 35K1-001.31 của anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1988; trú tại: xóm A, xã K, huyện K đang dựng bên đường, trước cửa nhà anh Bùi Văn T1. V quan sát thấy chìa khóa xe vẫn cắm trong ổ khóa, không có ai trông coi nên V đi đến gần, ngồi lên xe và dùng tay phải vặn chìa khóa điện, nổ máy sau đó điều khiển xe đi về hướng xóm 4, xã K, huyện K đến Cửa hàng mua bán xe máy cũ của gia đình chị Trần Thị T, sinh năm 1981; trú tại: xóm 4, xã K, huyện K. V nói dối chị T chiếc xe là của mình muốn bán, chị T đồng ý mua với giá 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)*. Sau khi giao tiền cho V, chị T hỏi giấy tờ thì V bảo không có, nên chị T không đồng ý mua và yêu cầu V trả lại số tiền. Tuy nhiên, V trả lại cho chị T 500.000đồng, số còn lại V hẹn đến chiều tối trả nốt. Vì là người cùng xóm lại có họ hàng với gia đình nhà chồng nên chị T đồng ý cho V để lại chiếc xe. V cầm số tiền 500.000đồng đi về, đã tiêu xài hết số tiền trên. Sau khi V đi, chị T mở cốp xe kiểm tra phát hiện có giấy đăng ký xe môtô, xe máy số 003167 mang tên Trần Văn H1, xóm 2, xã K, huyện K. Biết không phải xe của V nên chị T đã đến nhà V để đòi lại tiền và yêu cầu V mang xe về. V đồng ý và hẹn đến chiều sẽ mang tiền trả và mang xe về. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, chị T lại đến nhà V nhưng không gặp.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Nguyễn Văn T2 đã đến trụ sở Công an xã K để trình báo sự việc. Công an K sau khi tiếp nhận tin báo đã tiến hành xác minh, chuyển tin báo cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K giải quyết theo thẩm quyền.

Trần Văn V giao nộp: 01 áo phông ngắn tay, có cổ bẻ, có họa tiết sọc kẻ ngang màu nâu - đen xen kẽ nhau; 01 mũ lưỡi trai màu xanh nhạt, mặt trước mũ có ký hiệu NY lồng vào nhau; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, lắp 2 sim Nano sim nhãn hiệu Viettel sim 1 có số ICCID 8984048000384407860, sim 2 có số ICCID 8984048000312643088. Chị Trần Thị T giao nộp: 01 xe môtô biển kiểm soát 35K1- 00131, số khung 066155, số máy 2866200, nhãn hiệu Honda loại Wave, màu sơn đỏ - đen- bạc; 01 đăng ký môtô xe máy số 003167 mang tên Trần Văn H1.

Ngày 05/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã yêu cầu định giá tài sản số 69/YC-ĐTTH, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện K định giá đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 35K1-00131, nhãn hiệu HONDA

WAVE. Kết luận định giá tài sản số 12/KLĐG ngày 06/04/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Giá trị thiệt hại tài sản là 5.233.000đồng *(năm triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng)*.

Cáo trạng số 30/CT-VKS-KS ngày 07/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Trần Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn chấp Hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 04/4/2023. Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 áo phông ngắn tay, 01 mũ lưỡi trai màu xanh nhạt; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel. Về án phí: bị cáo là người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên và không có ý kiến gì khác, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, tội danh và điều luật áp dụng: tại phiên tòa bị cáo khai, sáng ngày 04/4/2023 tại đường dong xóm trước cửa nhà anh Bùi Văn T1 thuộc xóm M, xã K, huyện K, bị cáo phát hiện chiếc xe môtô biển kiểm soát 35K1-001.31 đang dựng bên đường, chìa khóa xe vẫn cắm trong ổ khóa, không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp, bị cáo đến gần, ngồi lên xe và dùng tay phải vặn chìa khóa điện, nổ máy sau đó điều khiển xe đi về hướng xóm 4, xã K, huyện K đến Cửa hàng mua bán xe máy cũ của gia đình chị Trần Thị T nói dối chị T chiếc xe là của mình muốn bán, chị T đồng ý mua với giá 1.000.000 đồng, chị T đưa tiền cho bị cáo. Sau đó, chị T hỏi giấy tờ thì bị cáo nói dối là không có, chị T không đồng ý mua và đòi lại tiền, bị cáo trả lại chị T 500.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo hẹn chiều tối trả nốt và để lại xe môtô để làm tin. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Đơn trình báo; Sơ đồ vụ việc; Biên bản tạm giữ đồ vật; lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và

còn được chứng minh qua hình ảnh trích xuất từ camera anh ninh thu giữ trong quá trình điều tra, đã có đủ cơ sở khẳng định: bị cáo Trần Văn V là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút trộm cắp xe môtô của người khác có trị giá 5.233.000 đồng là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi đó gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng là đối tượng nghiện ma túy từ nhiều năm nay.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi đối chiếu về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nguyên nhân và điều kiện phạm tội, thì hành vi phạm tội của bị cáo nhằm mục đích có tiền để tiêu sài cá nhân, do đó cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật bằng hình phạt tù có thời hạn, để bị cáo có thời gian cải tạo, sửa chữa trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Văn T2 đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp và không có ý kiến đề nghị gì liên quan đến phần dân sự. Đối với số tiền 500.000 đồng là số tiền bị cáo vay của chị T, chị T không có yêu cầu, đề nghị gì về số tiền này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 xe môtô nhãn hiệu Honda loại Wave, màu sơn đỏ - đen- bạc; biển kiểm soát 35K1-001.31; 01 đăng ký mô tô xe máy số 003167 mang tên Trần Văn H1. Quá trình điều tra xác định xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Văn T2. Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã trả lại xe và đăng ký xe trên cho anh T2 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel và 02 sim điện thoại gắn trong máy điện thoại thu giữ của bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay xác định bị cáo không sử dụng điện thoại nói trên vào việc phạm tội. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 áo phông ngắn tay, có cổ bẻ, có họa tiết sọc kẻ ngang màu nâu - đen xen kẽ nhau; 01 mũ lưỡi trai màu xanh nhạt, mặt trước mũ có ký hiệu NY lồng vào nhau. Đây là tài sản của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo không xin nhận lại, do tài sản đã cũ, không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về các vấn đề khác: đối với chị Trần Thị T, không hứa hẹn trước về việc sẽ mua tài sản của bị cáo. Khi nhận mua xe của bị cáo, chị T không biết tài sản đó là do bị cáo phạm tội mà có, nên Hành vi của chị T không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Điều 323 Bộ luật Hình sự. Mặt khác sau khi phát hiện xe đăng ký không phải mang tên bị cáo thì chị T đã đi tìm bị cáo yêu cầu trả lại tiền và lấy xe về, ngay sau đó bị cáo bị bắt giữ. Hành vi của T cũng không cấu thành tội "Không tố giác tội phạm" theo Điều 390 Bộ luật hình sự.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, tại phiên tòa bị cáo xin được miễn án phí, nên miễn án phí hình sự sơ cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo **Trần Văn V** phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn V 07 (bảy)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 04/4/2023.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo phông ngắn tay; 01 mũ lưỡi trai màu xanh nhạt.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel và 02 sim điện thoại gắn trong máy điện thoại thu giữ của bị cáo.

(Chi tiết như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/6/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

3. Về án phí: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện K;*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình;*
- *Công an huyện K;*
- *THADS huyện K;*
- *Bị cáo; Bị hại; NLQ;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng